

Bản án số: 12/2025/DS-ST  
Ngày 21 - 8 - 2025  
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Mạnh Quyền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Phúc và bà Lê Thị Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên.

**- Đại diện VKSND Khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thảo Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2025 tại trụ sở; Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 11/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 30/7/2025 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số: 725/2025/TB-TA ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Công ty tài chính S (viết tắt là S)

Địa chỉ: Tòa nhà G, số 52 L, phường H (trước là phường L, quận H), thành phố H;

Đại diện theo pháp luật: Bà K, Chức danh: Tổng giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền của bà K (theo giấy uỷ quyền số 0294/2024/UQ-TGD ngày 20/5/2024): Ông Đinh Minh T, Chức danh: Giám đốc Trung tâm hỗ trợ thanh toán khoản vay;

Đại diện theo uỷ quyền của ông T (theo giấy uỷ quyền số 0264/2024/UQ-SHB FC ngày 05/5/2024): Công ty Luật T;

Địa chỉ: Số 07 - C3, khu tập thể Công ty T, phường Đ (trước là phường T, quận N), thành phố H;

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty Luật T (theo giấy uỷ quyền số 05/2024/UQ-KK-PDTQ ngày 16/5/2024): Ông Nguyễn Đức L, chức danh: Trợ lý luật sư; (có mặt)

Địa chỉ: Phòng 209, Tòa nhà 17T2, phố K, phường Đ (trước là phường T, quận N), thành phố H;

**\* Bị đơn:** Anh Lê Tuấn Ng, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Q, xã T (trước là xã N, huyện P), tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T (trước là xã N, huyện P), tỉnh Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đại diện nguyên đơn theo uỷ quyền trình bày:*

Công ty tài chính S (viết tắt là Công ty S) và anh Lê Tuấn Ng ký hợp đồng tín dụng số 112206134544122 ngày 13/6/2022, theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay thì Công ty S đồng ý cho anh Ng vay tổng số tiền 57.240.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất hai bên thoả thuận 3,83%/tháng (tương đương lãi suất quy đổi là 46%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức cho vay từng lần, hình thức giải ngân vào tài khoản ngân hàng của bên vay, phương thức thanh toán trả nợ gốc và trả lãi theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 13 hàng tháng với số tiền 2.973.000 đồng/tháng vào tài khoản Ngân hàng của S hoặc nộp trực tiếp tại phòng giao dịch/chi nhánh S. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, S đã giải ngân cho anh Ng cũng vào ngày 13/6/2022 đủ số tiền 57.240.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 14/7/2022 anh Ng đã thanh toán được số tiền 2.961.000 đồng, trong đó, thanh toán tiền gốc được 796.088 đồng, tiền lãi là 2.164.912 đồng, sau đó anh Ng không thực hiện Ng vụ theo thoả thuận trong hợp đồng nên toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 14/8/2022. Từ khi chuyển sang nợ quá hạn cho đến nay, anh Ng không thực hiện Ng vụ thanh toán cho S khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Nay để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho S, S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Tuấn Ng phải có nghĩa vụ thanh toán trả S tổng số tiền tính đến ngày 11/7/2025 là 169.868.340 đồng, trong đó nợ gốc là 56.443.912 đồng, lãi quá hạn là 113.424.428 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo theo hợp đồng cho đến khi anh Ng thanh toán hết nợ cho S.

Do bị đơn anh Ng thường xuyên vắng nhà nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Ng thông qua mẹ đẻ anh Ng là bà Lưu Thị H nhận thay, bà H cam kết giao tận tay các văn bản cho anh Ng và tiến hành niêm yết theo quy định nhưng anh Ng cố tình không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Ng.

Toà án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt bị đơn nên không tiến hành phiên hoà giải được.

Tại phiên tòa: Có mặt đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện nguyên đơn theo uỷ quyền trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Tuấn Ng phải có Ng vụ trả S số tiền tính đến ngày 21/8/2025 là 174.136.427 đồng, trong đó nợ gốc là 56.443.912 đồng, lãi quá hạn là 117.692.515 đồng và lãi phát sinh tiếp theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Ng thanh toán xong khoản nợ cho S.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật để xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 352, 357, 398, 401, Điều 428, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91, 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tính đến ngày 21/8/2025 là 174.136.427 đồng (gồm nợ gốc là 56.443.912 đồng, nợ lãi quá là 117.692.515 đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

Anh Lê Tuấn Ng ký hợp đồng tín dụng với công ty tài chính S để vay vốn, quá trình thực hiện hợp đồng, anh Ng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Công ty S và bị đơn anh Lê Tuấn Ng. Bị đơn anh Ng đăng ký HKTT và nơi cư trú thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên (chỗ ở hiện nay là thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S.

Ngày 13/6/2022, Công ty S và anh Lê Tuấn Ng ký hợp đồng tín dụng số 112206134544122; các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và

làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Công ty S đã giải ngân cho anh Ng đủ số tiền 57.240.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Ng đã thanh toán được một kỳ đầu (từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/7/2022) với số tiền là 2.961.000 đồng, trong đó thanh toán tiền gốc là 796.088 đồng, thanh toán tiền lãi là 2.164.912 đồng, sau đó bên vay (anh Ng) vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên toàn bộ khoản nợ của anh Ng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 14/8/2022. Do bên vay (anh Ng) vi phạm các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, lỗi hoàn toàn thuộc về bên vay là anh Ng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là có cơ sở được chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, căn cứ Điều 116, 117, 119, Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 352, 357, 398, 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91, 95, 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 9 Thông tư số 43/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Buộc anh Lê Tuấn Ng phải có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty S tổng số tiền tính đến ngày 21/8/2025 là 174.136.427 đồng, trong đó nợ gốc là 56.443.912 đồng, lãi quá hạn là 117.692.515 đồng

*Kể từ ngày 22/8/2025 cho đến khi thanh toán xong, anh Ng tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời hạn chậm trả.*

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 352, khoản 1 Điều 357, 398, 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91, 95, 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 9 Thông tư số 43/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn - H, buộc bị đơn anh Lê Tuấn Ng có nghĩa vụ trả khoản nợ, bao gồm tiền gốc, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 21/8/2025 là 174.136.427 đồng

(một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng), trong đó khoản tiền nợ gốc là 56.443.912 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm mười hai đồng), khoản tiền lãi quá hạn là 117.692.515 đồng (một trăm mười bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn năm trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày 22/8/2025 cho đến khi thanh toán xong, anh Lê Tuấn Ng tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời hạn chậm trả.

2. Về án phí: Buộc anh Lê Tuấn Ng phải chịu 8.706.821 đồng (tám triệu bảy trăm linh sáu nghìn tám trăm hai mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty tài chính S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.584.000 đồng (ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24/0004611 ngày 09/5/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (trước là Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Mạnh Quyền**